

Số: 145/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

VỀ VIỆC YÊU CẦU CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Hồ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 427/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 2090/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Nguyễn Nhật A**, sinh năm 1987; địa chỉ: Số N Đường số H, Tổ C, Khu phố H1, phường H2, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Nguyễn Phương T**, sinh năm 1991; địa chỉ: Canada.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

[1] Tại đơn yêu cầu và các bản tự khai, người yêu cầu ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T trình bày:

Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số Q/2017, quyền số 02/2016 do Ủy ban nhân dân phường A1, quận S, thành phố Đ cấp ngày 27 tháng 7 năm 2017. Sau khi kết hôn, hai người chung sống trong khoảng một năm tại Đà Nẵng thì ông A trở về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc. Đến năm 2022, bà T sang Canada, vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chủ yếu do gia đình hai bên không có tiếng nói chung, mâu thuẫn tồn tại trong thời gian dài và trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T cùng trình bày không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T cùng trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại phiên họp sơ thẩm, người yêu cầu đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong giải quyết việc dân sự theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các đương sự trong vụ việc đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; loại việc dân sự đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ việc có yếu tố nước ngoài, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về đường lối giải quyết vụ việc, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu, công nhận ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T thuận tình ly hôn. Về con chung: Các đương sự cùng trình bày không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Căn cứ đơn yêu cầu của người yêu cầu, Giấy chứng nhận kết hôn và bản tự khai của các đương sự, có cơ sở để xác định đây là việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Người yêu cầu ông Nguyễn Nhật A cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; bà Nguyễn Phương T cư trú tại Canada. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Khoản 3 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ việc thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Trước khi mở phiên họp, người yêu cầu đã có văn bản trình bày ý kiến và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của các đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ việc. Căn cứ quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số Q/2017 quyền số 02/2016 ngày 27 tháng 7 năm 2017 do Ủy ban nhân dân phường A1, quận S, thành phố Đ cấp và lời trình bày của các đương sự, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T cùng trình bày hai người đã không còn chung sống trong khoảng thời gian dài, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà không thể giải quyết. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ, do đó ông A và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc các đương sự cùng yêu cầu ly hôn là tự nguyện, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp.

[3.2] Về con chung: Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T cùng trình bày không có con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T cùng trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T mỗi người phải chịu 50% mức lệ phí Tòa án là 150.000 đồng theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 29, Khoản 3 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm h Khoản 2 Điều 39, các điều 367, 371, 396 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 55, 121, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số Q/2017 quyền số 02/2016 ngày 27 tháng 7 năm 2017 do Ủy ban nhân dân phường A1, quận S, thành phố Đ cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T cùng trình bày không có con chung.

- Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Nhật A và bà Nguyễn Phương T mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số K ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; các đương sự đã thi hành xong nghĩa vụ về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND phường A1, quận S, thành phố Đ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ (TC: 15).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Tuấn